

NGOẠI GIAO VIỆT NAM

VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

NGUYỄN DUY NIÊN

Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ ngoại giao

Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã đem lại độc lập, tự do cho toàn dân tộc; một nước Việt Nam mới, dân chủ và cách mạng đã xuất hiện trên bản đồ chính trị thế giới. Ngày 28-8-1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (DCCH) được thành lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh được cử giữ chức Chủ tịch Chính phủ lâm thời kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao. Vì ý nghĩa trọng đại của sự kiện này, ngày 28-8-1945 đã trở thành ngày đánh dấu sự ra đời của nền ngoại giao Việt Nam cách mạng và hiện đại.

Trong suốt hơn 60 năm qua, dưới lá cờ vẻ vang của Đảng và được tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh soi đường, Ngoại giao Việt Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, luôn chủ động, sáng tạo, phát huy vai trò và thế mạnh của một mặt trận đấu tranh có ý nghĩa chiến lược, đạt được nhiều thắng lợi to lớn phục vụ đắc lực sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Đặc biệt trong 20 năm của thời kỳ đổi mới, ngành Ngoại giao đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững và không ngừng củng cố môi trường quốc tế hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển, tích cực chủ động hội nhập và nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế nhằm thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Chặng đường hơn 60 năm qua của ngành Ngoại giao Việt Nam là hết sức vẻ vang và rất đáng tự hào,

xứng danh nền Ngoại giao cách mạng và hiện đại - Ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh.

Hoạt động ngoại giao của nước Việt Nam DCCH trong những ngày đầu mới giành được độc lập tập trung vào nhiệm vụ đẩy lùi các hiểm họa liên quan đến vận mệnh của đất nước, bảo vệ chính quyền non trẻ. Ngày 3-10-1945, chỉ một tháng sau ngày tuyên bố độc lập, Bộ ngoại giao Chính phủ lâm thời đã ra Thông cáo về Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam DCCH, khẳng định mục tiêu phấn đấu cho nền độc lập "hoàn toàn và vĩnh viễn", hợp tác, thân thiện với các nước Đồng minh và các dân tộc láng giềng Trung Hoa, Khome và Lào. Tiếp sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tư cách là người đứng đầu Chính phủ nước Việt Nam mới, đã nhiều lần gửi thư, công hàm cho những người đứng đầu Chính phủ các nước lớn như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Liên Xô, Trung Quốc và Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc thông báo về sự ra đời của nước Việt Nam DCCH, khẳng định tính hợp pháp của Nhà nước Việt Nam mới, đồng thời tố cáo bọn thực dân trở lại tiến hành chiến tranh xâm lược Đông Dương. Những hoạt động đối ngoại đầu tiên đó đã góp phần giới thiệu với thế giới hình ảnh một nước Việt Nam mới, tha thiết độc lập tự do, mong muốn hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc.

Thế nhưng, các thế lực thực dân, đế quốc, phản động không từ bỏ dã tâm trở lại xâm lược Việt Nam nhằm đè bẹp nền độc lập non trẻ của nhà nước dân

chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn và phức tạp, cùng lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù mạnh hơn gấp nhiều lần, Chính phủ Việt Nam DCCCH đã tiến hành những hoạt động ngoại giao khôn khéo, "đi bất biến, ứng vạn biến", triệt để khai thác các mâu thuẫn giữa các thế lực thù trong giặc ngoài. Một mặt, ta thực hiện hòa hoãn với Tưởng, vô hiệu hóa âm mưu tiêu diệt DCS và phá tan Việt Minh. Mặt khác, từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946, ta đã thực hiện nhiều cuộc đấu tranh ngoại giao với Pháp, đặc biệt là tại Hội nghị Đà Lạt và Hội nghị Phôngtennoblô, ký Hiệp định Sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9. Sách lược "hòa để tiến" này đã góp phần giúp nước cộng hòa non trẻ tranh thủ thêm thời gian, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân xâm lược sau này.

Trong nửa đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, từ cuối năm 1946 đến năm 1950, phối hợp chặt chẽ với mặt trận quân sự và chính trị, Ngoại giao đã chủ động triển khai các hoạt động quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, hình thành liên minh chiến đấu với Lào và Campuchia chống kẻ thù chung. Một trong những cố gắng quan trọng của công tác ngoại giao thời kỳ này là mở đột phá, thiết lập quan hệ trực tiếp không chính thức với một số nước Đông Nam Á và Nam Á như Thái Lan, Miến Điện, Indônêxia, Ấn Độ... Đầu năm 1950, chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, Chính phủ Việt Nam đã lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Liên Xô, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Tiệp Khắc, các nước Cộng hòa dân chủ Đức, Rumani, Ba Lan, Hungari, Bungari và Anbani, mở đường quan hệ với thế giới. Những thắng lợi đối ngoại này đã góp phần gắn cách mạng Việt Nam với hệ thống XHCN thế giới, tạo nên thế và lực mới cho cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Tiếp sau Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 vang dội địa cầu, ta đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng hòa bình và tiến bộ, tích cực đấu tranh cho một giải pháp hòa bình về Việt Nam, Lào và Campuchia tại Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, ghi nhận thắng lợi to lớn của cuộc chiến đấu trường kỳ, gian khổ của nhân dân ta chống thực dân xâm lược, chấm dứt sự nô dịch của thực dân Pháp ở Việt Nam cũng như trên toàn bán đảo Đông Dương, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới. Điện Biên Phủ - Giơnevơ là đỉnh cao của chín năm kháng chiến trường kỳ, là thành tựu chung của các mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, làm hậu phương vững chắc, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Sau Hội nghị Giơnevơ năm 1954, ngành Ngoại giao từng bước trưởng thành và tiếp tục hoạt động trong điều kiện có nhiều thuận lợi hơn với một nửa đất nước đã được giải phóng, uy tín quốc tế của Việt Nam được nâng cao. Ngoại giao Việt Nam đã triển khai nhiều hướng hoạt động quan trọng nhằm đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ, góp phần làm cho dư luận thế giới thấy rõ thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam, tạo được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới đối với cuộc chiến đấu chính nghĩa của ta; làm rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược do đế quốc tiến hành ở Việt Nam cũng như âm mưu của đế quốc và tay sai chia cắt lâu dài nước Việt Nam. Với sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Ngoại giao hai miền "tuy hai mà một" đã phối hợp chặt chẽ, tạo thành một mặt trận ngoại giao gồm nhiều lực lượng, bao gồm cả ngoại giao nhân dân, góp phần hình thành Mặt trận nhân dân thế giới rộng rãi ủng hộ và đoàn kết với Việt Nam, chống đế quốc xâm lược; cổ vũ mạnh mẽ và hỗ trợ đắc lực cuộc

kháng chiến cứu nước của nhân dân ta, làm phân hóa sâu sắc nội bộ đối phương, đẩy mạnh phong trào chống chiến tranh phát triển nhanh chóng trên quy mô toàn thế giới và ngay tại nước Mỹ. Những cuộc tiến công ngoại giao của ta đã góp phần kéo Mỹ xuống thang chiến tranh, đi vào đàm phán, đặc biệt tại Hội nghị Paris, từ tháng 5-1968 đến tháng 1-1973. Phát huy các kết quả trên chiến trường tại bàn Hội nghị, Ngoại giao đã tích cực tìm kiếm giải pháp, từng bước buộc Mỹ phải chấp nhận đi đến ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27-1-1973. Với Hiệp định Paris, nhân dân Việt Nam đã thực hiện được mục tiêu đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi nước ta, tạo đà sụp đổ của ngụy quyền ở miền Nam Việt Nam, dẫn đến Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ tháng 4-1975, đất nước hoà bình, thống nhất, Ngoại giao Việt Nam với thế và lực mới đã mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ được sự giúp đỡ quan trọng của quốc tế, góp phần tích cực vào công cuộc tái thiết và xây dựng đất nước. Việt Nam trở thành thành viên tích cực của Phong trào Không liên kết (1976), Liên hợp quốc (1977) và nhiều tổ chức quốc tế khác, thiết lập quan hệ ngoại giao với hàng loạt nước ở khắp các châu lục. Tuy nhiên, công cuộc tái thiết và xây dựng đất nước tiến hành chưa được bao lâu thì Việt Nam gặp phải những thử thách nghiêm trọng ở biên giới Tây - Nam và phía Bắc cũng như cuộc bao vây, cấm vận của các thế lực đế quốc và phản động. Trước tình hình đó, ngoài việc tiếp tục tăng cường quan hệ với các nước XHCN, mặt trận đối ngoại được mở rộng với những hoạt động tích cực phát triển quan hệ với các nước dân tộc chủ nghĩa và không liên kết. Chỉ trong một thời gian ngắn, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 40 nước thuộc thế giới thứ ba. Quan hệ với các nước công nghiệp phát triển và các tổ chức quốc tế tiếp tục được mở rộng. Từ năm 1976 đến 1986, Việt Nam đã tham gia 33 tổ chức quốc tế và 19

điều ước quốc tế. Những nỗ lực ngoại giao giai đoạn này đã góp phần làm thất bại âm mưu bao vây cấm vận của các thế lực nước ngoài và giải quyết nhiều vấn đề kinh tế, xã hội và khoa học kỹ thuật của nước ta.

Năm 1986, trước những khó khăn to lớn cả về đối nội và đối ngoại của đất nước, ĐCS Việt Nam khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện, mở ra một giai đoạn mới trong đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam mà nhiệm vụ hàng đầu là tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều nghị quyết, chủ trương đối ngoại quan trọng đã được đề ra và triển khai, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước và chủ động tháo gỡ những khó khăn, phức tạp trong quan hệ giữa Việt Nam với một số nước khác. Quan hệ với Trung Quốc được bình thường hóa (1991), phát triển nhanh chóng và ngày càng toàn diện. Quan hệ với các nước Đông Nam Á cũng chuyển sang một trang mới. Từ khi gia nhập ASEAN (7-1995), Việt Nam đã tích cực tham gia vào các hoạt động chung của ASEAN, chủ động đưa ra nhiều sáng kiến quan trọng góp phần củng cố và tăng cường hợp tác đoàn kết, nhất trí trong nội bộ ASEAN, thúc đẩy xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và thịnh vượng chung, nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam tại khu vực. Quan hệ với EU được đẩy mạnh lên một bước với việc nước ta ký Hiệp định khung hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật với EU (tháng 7-1995). Việt Nam và Hoa Kỳ chính thức bình thường hóa quan hệ, tháng 7-1995, đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn trên thế giới.

Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa đã đem lại những thành tựu đối ngoại to lớn. Từ chỗ bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã hội nhập ngày càng sâu rộng vào khu vực và thế giới; có quan hệ ngoại giao với 169 nước, quan hệ kinh tế thương mại với trên 180 nước và vùng lãnh thổ, quan hệ đầu tư với hơn 70 nước và vùng

lãnh thổ. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, nước ta vừa có quan hệ với cả 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, với tất cả các nước lớn và các trung tâm kinh tế thế giới, vừa là thành viên của hàng trăm tổ chức quốc tế, khu vực và tiểu vùng. Chưa bao giờ quan hệ ngoại giao của Việt Nam lại sâu rộng và đa dạng như ngày nay.

Thế giới trong thế kỷ XXI có nhiều diễn biến rất nhanh chóng và vô cùng phức tạp, đặt nước ta trước nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh đó, Đại hội Đảng lần thứ IX đã đề ra đường lối đối ngoại *độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ quốc tế theo tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*. Đây chính và sự tiếp nối và phát triển lên một bước cao hơn, sâu sắc hơn đường lối đối ngoại đã được các Đại hội Đảng lần thứ VI, VII và VIII đề ra. Trên cơ sở vận dụng nhuần nhuyễn tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, Đảng ta đã xác định đúng vị trí của Việt Nam trong một thế giới đang biến động phức tạp, gắn kết mật thiết giữa an ninh và phát triển, giữa các nhân tố dân tộc và thời đại... từ đó chỉ ra những cơ hội và thách thức cụ thể đối với đất nước; xác định rõ những nhiệm vụ chủ yếu của Ngoại giao trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội IX, ngành Ngoại giao tiếp tục đạt được sự chuyển biến mạnh mẽ trong quan hệ với tất cả các đối tác quan trọng, đặc biệt là với các nước láng giềng, khu vực, các nước lớn; từng bước đưa quan hệ hợp tác với các nước đi vào chiều sâu, tạo sự đan xen về lợi ích giữa nước ta với các nước. Năm vùng phương châm "đi bất biến, ứng vạn biến", "biến đại sự thành tiểu sự, tiểu sự thành vô sự", chúng ta đã xử lý kịp thời và thoả đáng nhiều vấn đề quốc tế phức tạp nảy sinh do những biến động lớn trên thế giới gây ra, những vấn đề do lịch sử để lại hoặc mới nảy sinh, vừa kiên trì nguyên tắc, vừa linh

hoạt khôn khéo bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích của đất nước. Ngành Ngoại giao cũng đã góp phần đưa ngoại giao đa phương Việt Nam phát triển lên tầm cao mới, tham gia tích cực và chủ động hơn tại các diễn đàn đa phương quốc tế và khu vực; tổ chức thành công một số hội nghị, diễn đàn quốc tế quan trọng ở nước ta, nhất là Hội nghị cấp cao các nước có sử dụng tiếng Pháp (1997), Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ VI (1998), Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ 5 (ASEM V) và trong năm 2006 là Hội nghị cấp cao APEC lần thứ 14, qua đó nâng cao hơn nữa uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Ngoại giao Việt Nam cũng đang tích cực phối hợp với các ngành để nước ta sớm gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Truyền thống và những thành tựu đối ngoại đạt được chính là cơ sở để ngành Ngoại giao Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò xung kích của mình trên mặt trận đối ngoại trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Trong tình hình mới, Ngoại giao chuyển hướng mạnh mẽ sang phục vụ phát triển kinh tế, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là tạo môi trường hòa bình, ổn định và điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển kinh tế, lấy việc mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại làm trọng tâm. Hoạt động ngoại giao phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH ngày càng được tăng cường và mở rộng, góp phần xây dựng chính sách, khuôn khổ pháp lý cho quan hệ kinh tế đối ngoại, nghiên cứu đánh giá các vấn đề chính trị, kinh tế quốc tế tác động đến Việt Nam, nghiên cứu chính sách kinh tế, tìm hiểu tiềm năng thế mạnh của các nước, để thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại, đầu tư, khoa học kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, văn hóa, du lịch, lao động...

Quán triệt và triển khai có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đại hội IX, ngành Ngoại giao đã góp phần đưa các quan hệ quốc tế của Việt Nam lên một tầm cao mới. Sự tổng hoà các quan hệ của Việt Nam với các nước láng giềng khu vực, các nước lớn, các trung tâm kinh tế-chính trị, bạn bè gần xa đã tạo cho nước

ta thế đối ngoại rất mới trên cơ sở cân bằng, ổn định và vững chắc, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu to lớn đó đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối đối ngoại của Đảng, khẳng định bản lĩnh của Đảng ta và khả năng của đất nước vượt qua thử thách của thời cuộc, vươn tới mục tiêu đã đề ra.

Trước thềm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, đỉnh cao của 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, ngành Ngoại giao vinh dự và tự hào được gánh vác thêm những nhiệm vụ trọng đại mới, "tiếp tục mở rộng và không ngừng nâng cao tính hiệu quả của các quan hệ đối ngoại, góp phần để bên trong thì ổn định chính trị - xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bên ngoài thì giữ vững môi trường hòa bình, phát triển quan hệ trên tinh thần sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập, hợp tác và phát triển"¹.

Được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo và rèn luyện, trải qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, ngành Ngoại giao Việt Nam đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, xây dựng và phát triển đất nước, nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Công hiến của ngành Ngoại giao đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận, biểu dương và đánh giá cao bằng phần thưởng Huân chương Sao vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta.

Hơn 60 năm lịch sử vẻ vang của ngành Ngoại giao mãi mãi là niềm tự hào, là di sản quý báu của các thế hệ cán bộ ngoại giao và cũng là hành trang để chúng ta tiếp tục phấn đấu giành những thắng lợi mới trong sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng, toàn dân ta.

Chú thích:

1. Phát biểu của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Khóa IX, tháng 1-2005.

Đảng lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam... (Tiếp theo trang 41)

nghiệp bảo vệ Tổ quốc thực sự là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong những năm tiếp theo có những thuận lợi mới nhưng sẽ có nhiều khó khăn thách thức gay gắt. Các thế lực thù địch gia tăng các hoạt động "diễn biến hoà bình", âm mưu bạo loạn lật đổ, không loại trừ khả năng tiến hành chiến tranh xâm lược nếu ta sai lầm về chiến lược. Do vậy toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục phải đề cao cảnh giác để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những thành công và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong bảo vệ Tổ quốc những năm đổi mới vừa qua góp phần củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sức mạnh to lớn của nhân dân, là cơ sở để Đảng ta tiếp

tục phát triển, hoàn chỉnh đường lối chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Chú thích:

1. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX*, CTQG, H, 2003, tr. 30 - 31.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, ST, H, 1987, tr. 125.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, CTQG, H, 1996, tr. 75.

5, 6, 7. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2000, tr. 70, 70-71, 117.